

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 30-11-2018  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lại Thị Ngọc Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Minh
2. Ông Nguyễn Đình Thế.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Chu Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 1014/2018/TLST-HNGĐ 20/9/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Hải Y, sinh năm 1984; thường trú: Số 96/2 khu phố T, phường H, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Đ, sinh năm 1989; thường trú: Phường H, quận L, thành phố Đ; tạm trú: Số 383/2 khu phố T, phường H, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Hải Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, chị Hoàng Hải Y và anh Trần Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường H, quận L, thành phố Đ vào ngày 09/4/2012, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyền số 01/2012. Sau khi kết hôn, chị Y và anh Đ sống tại phường H, thị xã D, tỉnh B cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2012 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Trần Đ ham chơi, không chịu khó làm ăn. Sau khi chị Hoàng Hải Y sinh con anh Trần Đ vẫn

không chịu tu chí làm ăn và còn sử dụng chất ma túy, ngày 29/01/2016 bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố M áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, sau khi đi cai nghiện về anh Trần Đ vẫn không chịu thay đổi tính tình, không lo làm ăn để phụ giúp vợ nuôi dưỡng hai con nên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng hơn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra gia đình hai bên đều biết và đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ tháng 01/2018 đến nay hai vợ chồng sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống riêng không còn quan tâm chăm sóc gì nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Hoàng Hải Y yêu cầu được ly hôn với anh Trần Đ.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung tên Trần Hoàng Bảo Â, sinh ngày 21/8/2013 và Trần Hoàng Thiên Â, sinh ngày 21/8/2013. Sau khi ly hôn, chị Hoàng Hải Y yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Trần Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Đ đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Trần Đ không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 24/10/2018, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 12/11/2018 và ngày 30/11/2018 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Hải Y và anh Trần Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đ vào ngày 09/4/2012, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01/2012 là hôn nhân hợp pháp. Chị Hoàng Hải Y cho rằng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế, anh Trần Đ ham chơi, không lo lắng làm ăn. Sau khi đi cai nghiện ma túy về anh Trần Đ vẫn không chịu thay đổi tình tình, không lo làm ăn để phụ giúp vợ nuôi dưỡng hai con nên mâu thuẫn

vợ chồng xảy ra trầm trọng hơn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 01/2018 đến nay hai vợ chồng sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống riêng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh Trần Đ đến làm việc và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Trần Đ không đến Tòa án, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của chị YẾN và anh Đ thực sự không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Y yêu cầu được ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Sau khi ly hôn, chị Hoàng Hải Y yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Hoàng Bảo Â, sinh ngày 21/8/2013 và Trần Hoàng Thiên Â, sinh ngày 21/8/2013 và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trong thời gian trước đây và hiện nay con chung do chị Y trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Mặt khác các cháu hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, chị Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Y không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Hải Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Hải Y đối với anh Trần Đ về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Hải Y được ly hôn với anh Trần Đ.

- Về con chung: Buộc anh Trần Đ giao hai cháu Trần Hoàng Bảo Â, sinh ngày 21/8/2013 và Trần Hoàng Thiên Â, sinh ngày 21/8/2013 cho chị Hoàng Hải Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Hải Y không yêu cầu anh Trần Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Y và anh Đ đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Đ lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Y nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh theo quy định của pháp

luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Hải Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020173, ngày 20/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- UBND phường H, quận L, thành phố Đ;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Thị Ngọc Liên**

